

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023**

---

**Tháng 8 năm 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 25

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Minh Yến

Chủ tịch

Trịnh Thanh Nhân

Thành viên

Trần Trung Hiếu

Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Phạm Bá Chính

Tổng Giám đốc

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Yến

Chủ tịch hội đồng quản trị

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,**



**Phạm Bá Chính**

**Tổng Giám đốc**

*Ngày 14 tháng 08 năm 2023*

Số.23/BCSX-UHYHP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Hồng Hiên**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1117-2023-112-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

**- CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>71.166.533.172</b>	<b>62.514.006.193</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>337.131.937</b>	<b>3.217.323.401</b>
1. Tiền	111		337.131.937	3.217.323.401
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.485.642.239</b>	<b>26.078.491.584</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	34.905.797.177	27.345.492.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.850.661.978	3.816.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		16.600.000	16.600.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>29.704.547.339</b>	<b>30.219.437.589</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.704.547.339	30.219.437.589
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.639.211.657</b>	<b>2.998.753.619</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	5.517.575	44.701.775
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.226.847.972	1.340.785.134
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	1.406.846.110	1.613.266.710
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.789.474.261</b>	<b>6.428.353.550</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.233.314.099</b>	<b>5.887.708.473</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.233.314.099	4.612.198.313
- Nguyên giá	222		29.093.413.730	29.093.413.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.860.099.631)	(24.481.215.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	1.275.510.160
- Nguyên giá	228		677.697.312	3.177.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(677.697.312)	(1.902.187.152)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.556.160.162</b>	<b>540.645.077</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.556.160.162	540.645.077
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>76.956.007.433</b>	<b>68.942.359.743</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>38.869.100.018</b>	<b>27.719.320.943</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.869.100.018</b>	<b>27.719.320.943</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	23.900.720.137	4.217.458.529
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	8.620.848.259	102.842.181
3. Phải trả người lao động	314		224.435.000	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	31.818.181
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		206.355.059	126.672.819
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	5.640.000.000	22.665.697.670
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		276.741.563	574.831.563
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.086.907.415</b>	<b>41.223.038.800</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>38.086.907.415</b>	<b>41.223.038.800</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	(2.696.860.498)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(2.817.747)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.301.511.824	1.301.511.824
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.714.926.164)	(14.578.794.779)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		(14.578.794.779)	13.174.011.565
- LNST chưa phân phối năm nay	421		(3.136.131.385)	(27.752.806.344)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>76.956.007.433</b>	<b>68.942.359.743</b>



Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2023



Mạc Thị Nhung  
Kế toán trưởng



Phạm Bá Chính  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		67.106.899.998	138.629.563.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	17	67.106.899.998	138.629.563.321
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	65.788.597.576	132.238.005.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		1.318.302.422	6.391.558.306
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.073.359	5.684.323.597
7. Chi phí tài chính	22	20	1.100.966.680	36.138.487.281
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.100.898.317	5.703.698.399
8. Chi phí bán hàng	25	21	1.493.081.800	1.721.228.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.856.168.672	2.216.334.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(3.130.841.371)	(28.000.167.969)
11. Thu nhập khác	31		320.002	249.915.578
12. Chi phí khác	32		5.610.016	2.553.953
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	22	(5.290.014)	247.361.625
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.136.131.385)	(27.752.806.344)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(3.136.131.385)	(27.752.806.344)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(603)	(5.653)

Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Mạc Thị Nhung  
Kế toán trưởng



Phạm Bá Chính  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		74.775.579.624	117.241.731.715
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(57.784.579.077)	14.362.336.327
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.152.161.000)	(1.683.850.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.100.898.317)	(2.504.566.826)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(347.412.924)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	6.652.228.630
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(593.440.020)	(2.380.871.256)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.144.501.210</b>	<b>131.339.595.666</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.966.089.124)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.168.481.650
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(19.021.589.329)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	34.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.073.359	676.310.614
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.073.359</b>	<b>15.857.113.811</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		5.640.000.000	71.950.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.665.697.670)	(219.477.520.772)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(17.025.697.670)</b>	<b>(147.527.520.772)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(2.880.123.101)</b>	<b>(330.811.295)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>3.217.323.401</b>	<b>499.835.059</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(68.363)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>337.131.937</b>	<b>169.023.764</b>

Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Mạc Thị Nhung  
Kế toán trưởng



Phạm Bá Chính  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 15 ngày 21/12/2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là: 52.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Tái chế phế liệu; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá bán hàng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải và đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Đại lý tua du lịch; dịch vụ đặt chỗ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động vui chơi, giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trong vòng 12 tháng.

**2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm theo quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ*

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chi phí để có Quyền sử dụng 8.742 m<sup>2</sup> đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm và đã trả trước tiền thuê đất nhiều năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng đến tháng 12/2032; ngày 26/06/2019 Công ty được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm tiền thuê đất và công cụ dụng cụ

*Tiền thuê đất:* Phản ánh chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m<sup>2</sup> đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng và được phân bổ theo thời gian thuê đất.

*Công cụ dụng cụ:* bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	80.053.777	2.160.767.768
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	257.078.160	1.056.555.633
<b>Cộng</b>	<b>337.131.937</b>	<b>3.217.323.401</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>34.905.797.177</b>	<b>27.345.492.500</b>
Công ty TNHH Sản xuất và TM Thép Bắc Việt	23.140.558.700	3.516.080.675
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	10.365.122.473	21.548.762.802
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Đối tượng khác	611.113.904	1.491.646.923
<b>Cộng</b>	<b>34.905.797.177</b>	<b>27.345.492.500</b>
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 25)</i>		

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>4.850.661.978</b>	<b>3.816.000</b>
Công ty CP SX-TM-DV Thiết bị công nghiệp Phương Nam	4.789.836.480	-
Đối tượng khác	60.825.498	3.816.000
<b>Cộng</b>	<b>4.850.661.978</b>	<b>3.816.000</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	29.704.547.339	-	30.219.437.589	-
<b>Cộng</b>	<b>29.704.547.339</b>	<b>-</b>	<b>30.219.437.589</b>	<b>-</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ thu trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
<b>Phải thu</b>	<b>1.613.266.710</b>	<b>206.420.600</b>	<b>-</b>	<b>1.406.846.110</b>
Thuế TNCN	20.247.983	8.677.800	-	11.570.183
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.593.018.727	197.742.800	-	1.395.275.927
<b>Phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>-</b>
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày đầu năm	17.177.008.440	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	29.093.413.730
Tại ngày cuối kỳ	17.177.008.440	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	29.093.413.730
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày đầu năm	12.930.793.327	4.476.587.539	6.941.603.031	33.445.455	98.786.065	24.481.215.417
Khấu hao trong kỳ	310.762.026	26.669.184	27.625.002	-	13.828.002	378.884.214
Tại ngày cuối kỳ	13.241.555.353	4.503.256.723	6.969.228.033	33.445.455	112.614.067	24.860.099.631
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	4.246.215.113	160.015.098	101.291.634	-	104.676.468	4.612.198.313
Tại ngày cuối kỳ	3.935.453.087	133.345.914	73.666.632	-	90.848.466	4.233.314.099

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 21.654.009.577 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 17.648.852.304 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÃU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày đầu năm	3.177.697.312
Giảm trong kỳ	(2.500.000.000)
Tại ngày cuối kỳ	<u>677.697.312</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày đầu năm	1.902.187.152
Khấu hao trong năm	61.224.492
Giảm trong kỳ	(1.285.714.332)
Tại ngày cuối kỳ	<u>677.697.312</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<u>1.275.510.160</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>5.517.575</u>	<u>44.701.775</u>
Chi phí trả trước	5.517.575	44.701.775
<i>Dài hạn</i>	<u>1.556.160.162</u>	<u>540.645.077</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	341.874.494	540.645.077
Tiền thuê đất (*)	1.214.285.668	-
<b>Cộng</b>	<u>1.561.677.737</u>	<u>585.346.852</u>

(\*) Chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m<sup>2</sup> đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÁU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.900.720.137</b>	<b>23.900.720.137</b>	<b>4.217.458.529</b>	<b>4.217.458.529</b>
Cty TNHH TM Đầu tư Thanh Hà	22.623.843.726	22.623.843.726	506.845.984	506.845.984
Cty CP Thương mại và Đầu tư Đại Phúc	499.125.327	499.125.327	-	-
Công ty Cổ Phần Sông Hồng	430.562.000	430.562.000	430.562.000	430.562.000
Công ty cổ phần thép Miền Bắc	-	-	2.779.467.152	2.779.467.152
Các đối tượng khác	347.189.084	347.189.084	500.583.393	500.583.393
<b>Cộng</b>	<b>23.900.720.137</b>	<b>23.900.720.137</b>	<b>4.217.458.529</b>	<b>4.217.458.529</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group	8.518.326.080	-
Đối tượng khác	102.522.179	102.842.181
<b>Cộng</b>	<b>8.620.848.259</b>	<b>102.842.181</b>

*Người mua trả tiền trước là các bên liên quan  
(Chi tiết xem tại thuyết minh 25)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ*

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>5.640.000.000</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>5.640.000.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng (1)	22.665.697.670	22.665.697.670	-	22.665.697.670	-	-
Vay cá nhân (2)	-	-	5.640.000.000	-	5.640.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>5.640.000.000</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>5.640.000.000</b>	<b>-</b>

- (1) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 19513.22.251.2371377.TD ngày 24/05/2022, tổng hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, với mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực thương mại ngành thép. Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ hoặc lãi suất thả nổi được quy định tại giấy nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay trên.
- (2) Phản ánh khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay số 01.2023/HĐV/TT-TQT ngày 01/03/2023 với thời hạn vay 06 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 0%/năm tính từ ngày nhận tiền vay, khoản vay được chi tiết theo Giấy biên nhận vay tiền từng lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu kỳ trước	52.000.000.000	5.200.000.000	-	(7.774.838.245)	1.301.511.824	22.797.399.094	73.524.072.673
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(32.301.033.873)	(32.301.033.873)
(Giảm) cổ phiếu quỹ	-	-	(2.696.860.498)	7.772.020.498	-	(5.075.160.000)	-
Số đầu kỳ này	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.578.794.779)	41.223.038.800
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(3.136.131.385)	(3.136.131.385)
Số cuối kỳ này	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(17.714.926.164)	38.086.907.415

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023, đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án hủy bỏ việc thực hiện phát hành 10.399.632 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.9/2021NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/9/2021, số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/12/2021 và số 01/2022-NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2023 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D	44.553.690.000	85,68	44.553.690.000	85,68
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	7.446.310.000	14,32
<b>Cộng</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	52.000.000.000	52.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

*Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- <i>Số lượng cổ phiếu phổ thông</i>	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	184
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	5.199.816
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.199.816	5.199.816

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

**16. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	599,66	599,66

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm</b>	<b>67.106.899.998</b>	<b>138.629.563.321</b>
Doanh thu kinh doanh sắt, thép	65.913.365.899	128.239.886.537
Doanh thu hoạt động khác	1.193.534.099	10.389.676.784
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>67.106.899.998</b>	<b>138.629.563.321</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 25)</i>		

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	65.788.597.576	124.367.239.229
Giá vốn hoạt động khác	-	7.870.765.786
<b>Cộng</b>	<b>65.788.597.576</b>	<b>132.238.005.015</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.073.359	676.310.614
Lãi từ bán chứng khoán	-	2.290.507.224
Cổ tức	-	2.611.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	106.505.759
<b>Cộng</b>	<b>1.073.359</b>	<b>5.684.323.597</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.100.898.317	5.703.698.399
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	-	30.049.443.089
Chi phí bán chứng khoán	-	328.896.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá	68.363	56.449.253
<b>Cộng</b>	<b>1.100.966.680</b>	<b>36.138.487.281</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***21. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>1.493.081.800</b>	<b>1.721.228.486</b>
Chi phí nhân viên	729.850.340	751.118.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.821.168	499.558.758
Chi phí khấu hao TSCĐ	224.555.292	445.605.715
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.855.000	209.091
Chi phí khác	-	24.736.112
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>1.856.168.672</b>	<b>2.216.334.105</b>
Chi phí nhân viên	1.020.955.720	1.194.060.411
Chi phí khấu hao TSCĐ	215.553.414	215.553.414
Thuế, phí và lệ phí	201.742.800	267.359.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.106.738	539.361.280
Chi phí khác	3.810.000	-

**22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>320.002</b>	<b>249.915.578</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	249.740.596
Tiền phạt thu được	-	-
Các khoản khác	320.002	174.982
<b>Chi phí khác</b>	<b>5.610.016</b>	<b>2.553.953</b>
Các khoản chi phí khác	5.610.016	2.553.953
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(5.290.014)</b>	<b>247.361.625</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>(3.136.131.385)</b>	<b>(27.752.806.344)</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	(3.136.131.385)	(27.752.806.344)
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.199.816	4.909.404
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(603)</b>	<b>(5.653)</b>

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh hàng hoá tại địa bàn Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ*

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Bản chất bên liên quan</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group	Cùng thành viên Ban lãnh đạo, Công ty
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người thân của các thành viên Ban lãnh đạo	Ban lãnh đạo

*Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau*

	<b>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần tập đoàn T&amp;D Group</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ (bao gồm VAT)	167.200.000	10.101.647.536
Thu tiền bán hàng	9.438.258.042	-
<b>Công ty Cổ phần Thành Đức Holding</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ (bao gồm VAT)	9.672.144.320	58.527.232.318
Thu tiền bán hàng	20.855.784.649	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	19.363.334.760
<b>Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ (bao gồm VAT)	350.116.945	-
Thu tiền bán hàng	595.612.489	-

*Số dư với các bên liên quan*

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần tập đoàn T&amp;D Group</b>		
Phải thu thương mại	-	652.731.962
Nhận tiền ứng trước	8.518.326.080	-
<b>Công ty Cổ phần Thành Đức Holding</b>		
Phải thu thương mại	10.365.122.473	21.548.762.802
<b>Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh</b>		
Phải thu thương mại	-	245.495.544

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Các khoản lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc*

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Phạm Thị Minh Yến- Chủ tịch	208.662.000	-
Bà Trịnh Thanh Nhân - Thành viên HĐQT	18.000.000	-
Ông Trần Trung Hiếu - Thành viên HĐQT	18.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Dũng - Tổng Giám đốc (1)	-	130.250.000
Ông Phạm Bá Chính - Tổng Giám đốc (2)	88.000.000	-
Bà Mạc Thị Nhung - Kế toán trưởng	188.941.485	139.684.020
Bà Vũ Thị Hồng Liên - Trưởng Ban KS	121.035.568	-

(1) Miễn nhiệm ngày 20/9/2022

(2) Bổ nhiệm ngày 20/9/2022

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét.

**Mạc Thị Nhung**  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2023**Mạc Thị Nhung**  
Kế toán trưởng**Phạm Bá Chính**  
Tổng Giám đốc